

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019

Khoa: Động Lực

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Công nghệ Ô Tô														
1	16CĐ-Ô1	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	45	97,83	0	0,00	
2	16CĐ-Ô2	44		0	0,00	0	0,00	2	4,55	41	93,18	1	2,27	
3	16CĐ-Ô3	43	1	2	4,65	0	0,00	13	30,23	28	65,12	0	0,00	
4	16CĐ-Ô4	46		0	0,00	3	6,52	10	21,74	33	71,74	0	0,00	
5	16CĐ-Ô5	43		0	0,00	0	0,00	1	2,33	42	97,67	0	0,00	
6	16CĐ-Ô6	43		0	0,00	0	0,00	5	11,63	38	88,37	0	0,00	
7	16CĐ-Ô7	44		0	0,00	0	0,00	6	13,64	36	81,82	2	4,55	
8	16CĐ-Ô8	41		0	0,00	1	2,44	2	4,88	38	92,68	0	0,00	
9	16CĐ-Ô9	39		0	0,00	0	0,00	2	5,13	37	94,87	0	0,00	
10	16CĐ-Ô10	44		0	0,00	0	0,00	2	4,55	42	95,45	0	0,00	
11	17C1-CNÔ1	48		2	4,17	0	0,00	24	50,00	22	45,83	0	0,00	
12	17C1-CNÔ2	44		0	0,00	2	4,55	5	11,36	36	81,82	1	2,27	
13	17C1-CNÔ3	47		5	10,64	10	21,28	15	31,91	16	34,04	1	2,13	
14	17C1-CNÔ4	43	1	0	0,00	0	0,00	4	9,30	38	88,37	1	2,33	
15	17C1-CNÔ5	38		0	0,00	2	5,26	8	21,05	28	73,68	0	0,00	
16	17C1-CNÔ6	39		0	0,00	1	2,56	15	38,46	23	58,97	0	0,00	
17	17C1-CNÔ7	45	4	0	0,00	2	4,44	3	6,67	38	84,44	2	4,44	
18	17C1-CNÔ8	37		0	0,00	2	5,41	8	21,62	27	72,97	0	0,00	
19	17C1-CNÔ9	39		2	5,13	2	5,13	3	7,69	32	82,05	0	0,00	
20	17C1-CNÔ10	39		0	0,00	0	0,00	3	7,69	35	89,74	1	2,56	
21	17C1-CNÔ11	37		0	0,00	1	2,70	3	8,11	32	86,49	1	2,70	

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
22	17C1-CNÔ12	43		0	0,00	4	9,30	16	37,21	23	53,49	0	0,00	
23	17C1-CNÔ13	39	1	1	2,56	3	7,69	7	17,95	27	69,23	1	2,56	
24	17C1-CNÔ14	35		0	0,00	2	5,71	11	31,43	22	62,86	0	0,00	
25	18C1-CNÔ1	42		0	0,00	9	21,43	6	14,29	27	64,29	0	0,00	
26	18C1-CNÔ2	43		0	0,00	1	2,33	17	39,53	25	58,14	0	0,00	
27	18C1-CNÔ3	43		0	0,00	4	9,30	12	27,91	26	60,47	1	2,33	
28	18C1-CNÔ4	48		0	0,00	1	2,08	4	8,33	37	77,08	6	12,50	
29	18C1-CNÔ5	46	1	1	2,17	4	8,70	16	34,78	24	52,17	1	2,17	
30	18C1-CNÔ6	43		2	4,65	2	4,65	7	16,28	32	74,42	0	0,00	
31	18C1-CNÔ7	44		0	0,00	0	0,00	12	27,27	32	72,73	0	0,00	
32	18C1-CNÔ8	48		0	0,00	1	2,08	2	4,17	45	93,75	0	0,00	
33	18C1-CNÔ9	46		2	4,35	1	2,17	13	28,26	29	63,04	1	2,17	
34	18C1-CNÔ10	47		0	0,00	4	8,51	4	8,51	36	76,60	3	6,38	
35	18C1-CNÔ11	44		0	0,00	0	0,00	2	4,55	41	93,18	1	2,27	
36	18C1-CNÔ12	46		0	0,00	1	2,17	10	21,74	35	76,09	0	0,00	
37	18C1-CNÔ13	48		0	0,00	0	0,00	4	8,33	44	91,67	0	0,00	
38	18C1-CNÔ14	44	1	0	0,00	0	0,00	1	2,27	41	93,18	2	4,55	
39	18C1-CNÔ15	40		0	0,00	1	2,50	5	12,50	32	80,00	2	5,00	
40	18C1-CNÔ16	45		1	2,22	2	4,44	10	22,22	31	68,89	1	2,22	
41	18C1-CNÔ17	44		1	2,27	2	4,55	11	25,00	29	65,91	1	2,27	
42	18C1-CNÔ18	40		0	0,00	2	5,00	10	25,00	28	70,00	0	0,00	
43	18C1-CNÔ19	36	1	0	0,00	8	22,22	4	11,11	19	52,78	5	13,89	
44	18C2-CNÔ1	42		0	0,00	0	0,00	11	26,19	30	71,43	1	2,38	
45	16CĐN-Ô1	40		0	0,00	0	0,00	10	25,00	30	75,00	0	0,00	
CỘNG 45 Lớp		1925	10	19	0,99	78	4,05	340	17,66	1452	75,43	36	1,87	
Trung cấp														
Ngành: Bảo trì và Sửa chữa Ô Tô														
1	16TC-Ô1	29		0	0,00	0	0,00	1	3,45	28	96,55	0	0,00	
CỘNG 01 Lớp		29	0	0	0,00	0	0,00	1	3,45	28	96,55	0	0,00	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ Ô Tô														
1	16TCN-Ô1	47		1	2,13	0	0,00	0	0,00	42	89,36	4	8,51	
2	18T2-CNÔ1	46	2	1	2,17	3	6,52	11	23,91	31	67,39	0	0,00	
3	17T4-CNÔ1	30		0	0,00	0	0,00	1	3,33	26	86,67	3	10,00	
4	17T4-CNÔ2	36		0	0,00	0	0,00	2	5,56	32	88,89	2	5,56	
5	17T4-CNÔ3	38		0	0,00	0	0,00	0	0,00	36	94,74	2	5,26	
6	17T4-CNÔ4	24		0	0,00	0	0,00	1	4,17	21	87,50	2	8,33	
7	18T4-CNÔ1	39	1	0	0,00	0	0,00	2	5,13	32	82,05	5	12,82	
8	18T4-CNÔ2	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	41	89,13	4	8,70	
9	18T4-CNÔ3	35		0	0,00	0	0,00	2	5,71	31	88,57	2	5,71	
10	18T4-CNÔ4	47		0	0,00	0	0,00	5	10,64	41	87,23	1	2,13	
11	18T4-CNÔ5	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	33	71,74	12	26,09	
12	18T4-CNÔ6	28		0	0,00	0	0,00	2	7,14	23	82,14	3	10,71	
CỘNG 12 Lớp		462	3	2	0,43	3	0,65	28	6,06	389	84,20	40	8,66	
TỔNG CỘNG (58 LỚP)		2416	13	21	0,87	81	3,35	369	15,27	1869	77,36	76	3,15	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Lê Xuân Thiện



Đinh Hồng Minh

